

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 06-9-2019.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Lê Thị Cẩm Dung.

+ Ông Ngô Bá Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Kim N - Sinh năm: 1974, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Thạch Y - Sinh năm: 1973; địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Khu phố D, thị trấn E, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2019, bản tự khai ngày 13 tháng 5 năm 2019, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Thạch Y chung sống với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G (nay là huyện C), tỉnh Bến Tre vào ngày 02 tháng 10 năm 1996, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh Y chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống. Đã qua rất nhiều năm nhưng giữa anh chị vẫn không thể khắc phục được mâu thuẫn, nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng là không còn, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Y, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn;

Về con chung: Chị và anh Y có hai người con chung là: Thạch Phương T - Sinh ngày 08 tháng 10 năm 1995 và Thạch Phương T1 - Sinh ngày 07 tháng 6 năm 2004. Chị N yêu cầu nuôi người con nhỏ là Thạch Phương T1, không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con; riêng người con lớn là Thạch Phương T đã thành niên, có khả năng lao động nên chị không có yêu cầu gì liên quan đến người con này.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N trình bày là không có.

Bị đơn là anh Thạch Y vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và cũng không gửi văn bản cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Lê Kim N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày bổ sung nội dung: Chị và anh Thạch Y có tổ chức lễ cưới vào năm 1995. Chị và anh Thạch Y đã sống ly thân từ cuối tháng 4 năm 2019 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được.

Anh Thạch Y vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kim N, cụ thể: Chị Lê Kim N được ly hôn với anh Thạch Y. Chị N được quyền nuôi người con chưa thành niên

là Thạch Phương T1 - Sinh ngày 07 tháng 6 năm 2004, anh Thạch Y không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu; riêng người con lớn là Thạch Phương T đã thành niên, có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Kim N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với anh Thạch Y có địa chỉ nơi cư trú tại: Khu phố D, thị trấn E, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Thạch Y đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 10 tháng 7 năm 2019 và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, đồng thời vào ngày 10 tháng 7 năm 2019 chị Lê Kim N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh Thạch Y là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Việc kết hôn giữa chị N với anh Thạch Y tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G (nay là huyện C), tỉnh Bến Tre vào năm 1996 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Chị N cho rằng cuộc hôn nhân đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Y. Trên cơ sở lời trình bày của chị N, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được giữa chị N và anh Thạch Y có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống. Đồng thời anh Thạch Y cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh Thạch Y đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn với anh Thạch Y là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

[4.1] Chị N yêu cầu nuôi người con nhỏ là Thạch Phương T1 - Sinh ngày 07/6/2004 hiện đang sống chung với chị N. Anh Thạch Y vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh về việc nuôi con. Nhận thấy, Thạch Phương T1 hiện nay đã trên bảy tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ bảy tuổi trở lên thì phải xem xét đến nguyện vọng của con*”. Tại biên bản hỏi ý kiến của người con từ đủ bảy tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân và gia đình lập ngày 28 tháng 5 năm 2019 thì cháu Thạch Phương T1 có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là chị N. Đây là sự tự nguyện của cháu T1 mà không ai ép buộc. Đồng thời kể từ khi chị N và anh Thạch Y sống ly thân cho đến nay thì chị N là người trực tiếp nuôi con, thực hiện tốt việc nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của chị N về việc nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.2] Người con lớn của chị N và anh Thạch Y là Thạch Phương T - Sinh ngày 08 tháng 10 năm 1995 đã thành niên, có khả năng lao động, chị N, anh Thạch Y không có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Thạch Y cấp dưỡng nuôi con nên anh Thạch Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Anh Thạch Y vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; chị N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kim N, cụ thể:

1/ Về hôn nhân: Chị Lê Kim N được ly hôn với anh Thạch Y.

2/ Về con chung:

2.1) Chị Lê Kim N được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung chưa thành niên giữa chị với anh Thạch Y là: Thạch Phương T1 - Sinh ngày 07/6/2004 (hiện đang sống chung với chị N). Anh Thạch Y không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

2.2) Anh Thạch Y có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Thạch Y lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Lê Kim N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Thạch Y.

2.3) Vì lợi ích của con chung, chị Lê Kim N, anh Thạch Y, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.4) Người con lớn của chị N và anh Thạch Y là Thạch Phương T - Sinh ngày 08 tháng 10 năm 1995 đã thành niên, có khả năng lao động, chị N, anh Thạch Y không có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3/ Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Kim N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002452 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre, chị Lê Kim N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Chị Lê Kim N có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, riêng anh Thạch Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyễn